

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI TP HÀ NỘI**

**Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
đã được soát xét**

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	06-22
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quế	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Tiến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Đạt	Ủy viên	
Ông Dương Xuân Mộc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/06/2011
Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hồng Quế	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Văn Anh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Thành viên
Ông Lê Quang Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TẠI TP HÀ NỘI

Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2011

Số: /2011/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội được lập ngày 10 tháng 07 năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Những vấn đề giới hạn phạm vi công tác soát xét

1. Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê mặt bằng của 6 tháng cuối năm 2011 và năm 2012 vào doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ số tiền 232.813.624 đồng làm tăng lợi nhuận trước thuế trong kỳ tương ứng là 232.813.624 đồng.
2. Số dư “Phải thu cán bộ nhân viên” tại thời điểm 30/06/2011 trên Báo cáo tài chính là 1.816.851.206 đồng và tiền lương dự kiến phải trả cho cán bộ nhân viên của tháng 6 năm 2011 là 496.168.396 đồng nếu được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ kế toán thì chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2010 sẽ giảm tương ứng là 2.313.019.602 đồng.
3. Số dư Quỹ phúc lợi của Công ty tại thời điểm 30/06/2011 là âm (1.217.470.660) đồng. Theo quy định, các khoản chi phúc lợi không được tài trợ bằng nguồn Quỹ phúc lợi phải được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh. Nếu khoản chi phúc lợi trên được ghi nhận vào chi phí trong các kỳ kế toán thì chỉ tiêu “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 30/06/2011 sẽ giảm tương ứng là 1.217.470.660 đồng.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ.0063/KTV

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		45.312.751.615	41.321.364.281
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.149.670.539	2.330.585.534
111	1. Tiền		949.670.539	2.330.585.534
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.200.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.740.055.830	14.268.180.132
131	1. Phải thu của khách hàng		9.578.817.027	12.764.851.484
132	2. Trả trước cho người bán		952.461.365	185.632.000
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.208.777.438	1.317.696.648
140	IV. Hàng tồn kho		22.227.464.266	24.626.549.855
141	1. Hàng tồn kho	5	22.227.464.266	24.626.549.855
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		195.560.980	96.048.760
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		146.782.726	21.836.560
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	6	48.778.254	74.212.200
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.069.897.872	19.489.338.561
220	II. Tài sản cố định		17.672.043.943	19.010.258.802
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.762.006.766	12.365.647.233
222	- Nguyên giá		42.421.251.704	42.421.251.704
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(31.659.244.938)	(30.055.604.471)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	6.910.037.177	6.644.611.569
260	V. Tài sản dài hạn khác		397.853.929	479.079.759
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	397.853.929	479.079.759
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		63.382.649.487	60.810.702.842

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		39.355.951.993	36.755.157.591
310	I. Nợ ngắn hạn		31.252.023.114	28.651.228.712
312	2. Phải trả người bán		30.910.109.997	28.477.067.844
313	3. Người mua trả tiền trước		10.802.817	5.669.817
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	360.212.333	351.671.526
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	11	1.071.837.526	767.522.086
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(1.100.939.559)	(950.702.561)
330	II. Nợ dài hạn		8.103.928.879	8.103.928.879
333	3. Phải trả dài hạn khác		7.855.862.000	7.855.862.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		248.066.879	248.066.879
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.026.697.494	24.055.545.251
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	24.026.697.494	24.055.545.251
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	28.368.962
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.497.912.513	1.497.912.513
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		959.154.802	943.655.580
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.409.780.179	1.425.758.196
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		63.382.649.487	60.810.702.842

Phan Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế

Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.610.739.289	23.088.774.469
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	14	24.610.739.289	23.088.774.469
11	4. Giá vốn hàng bán	15	22.686.442.509	20.252.549.837
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.924.296.780	2.836.224.632
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	157.392.952	9.622.654
22	7. Chi phí tài chính		-	285.542.948
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	285.108.466
24	8. Chi phí bán hàng		21.380.000	24.010.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.336.727.606	1.742.810.697
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(276.417.874)	793.483.641
31	11. Thu nhập khác		318.628.087	4.989.721
32	12. Chi phí khác		1.517.349	4.057.997
40	13. Lợi nhuận khác		317.110.738	931.724
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.692.864	794.415.365
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	10.173.216	198.603.841
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		30.519.648	595.811.524
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	15	296

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
			đến 30/06/2011	đến 30/06/2010
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		30.410.231.022	24.037.138.041
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(15.509.205.465)	(13.714.574.986)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.723.295.596)	(3.481.254.871)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-	(285.108.466)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(149.937.203)	(184.731.525)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		313.060.438	328.123.551
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.566.089.752)	(2.471.437.701)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		7.774.763.444	4.228.154.043
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(112.842.727)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		157.164.288	9.622.654
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		44.321.561	9.622.654
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	6.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(5.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(1.209.591.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(209.591.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		7.819.085.005	4.028.185.697
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2.330.585.534	879.466.190
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	10.149.670.539	4.907.651.887

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởngLê Hồng Quế
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011

1 . THÔNG TIN CHUNG**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa tại TP Hà Nội là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1576/QĐ - BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tổ 60 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 20.159.850.000 VND. Tương đương 2.015.985 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103004251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 12 năm 2010, hoạt động chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hoá, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hoá (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	189.337.301	68.750.796
Tiền gửi ngân hàng	760.333.238	2.261.834.738
Các khoản tương đương tiền	9.200.000.000	-
	<u>10.149.670.539</u>	<u>2.330.585.534</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.816.851.206	942.054.836
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	17.387.848
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	181.671.614	181.671.614
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục tại Hà Nội	176.202.435	143.081.509
Phải thu khác	34.052.183	33.500.841
	<u>2.208.777.438</u>	<u>1.317.696.648</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.397.269.266	22.569.712.218
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	802.642.043	1.306.344.447
Thành phẩm	27.552.957	718.345.742
Hàng gửi đi bán	-	32.147.448
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>22.227.464.266</u>	<u>24.626.549.855</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tạm ứng	48.778.254	74.212.200
	<u>48.778.254</u>	<u>74.212.200</u>

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	6.910.037.177	6.644.611.569
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất (*)	6.759.604.296	6.644.611.569
- Chi phí xây dựng nhà kho 12 x 36 m	150.432.881	-
	<u>6.910.037.177</u>	<u>6.644.611.569</u>

(*) Dự án xin đất mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh được UBND Thành phố Hà Nội, Sở Tài nguyên - Môi trường và Nhà đất Hà Nội, Sở Quy hoạch và Kiến Trúc chấp thuận từ năm 2007. Đến thời điểm 30/06/2011, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án.

Dự án được tài trợ bằng nguồn kinh phí từ hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng nhà kho tại Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại thành phố Hà Nội với 4 đơn vị là các công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.609.850	127.946.059
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	396.244.079	351.133.700
	<u>397.853.929</u>	<u>479.079.759</u>

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	350.016.716	154.445.041
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	47.266.881
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.173.217	149.937.204
Thuế Thu nhập cá nhân	22.400	22.400
	<u>360.212.333</u>	<u>351.671.526</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	177.043.900	145.852.339
Bảo hiểm xã hội	65.356.992	-
Bảo hiểm y tế	6.024.492	-
Bảo hiểm thất nghiệp	2.008.164	-
Phải trả về cổ phần hoá	36.818.181	36.818.181
Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	676.560.000	459.931.769
Phải trả, phải nộp khác	108.025.797	124.919.797
	<u>1.071.837.526</u>	<u>767.522.086</u>

12 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/06/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
	VND	VND
Tiền góp vốn hợp tác đầu tư mở rộng mặt bằng (*)	7.855.862.000	7.855.862.000
	<u>7.855.862.000</u>	<u>7.855.862.000</u>

(*) Theo hợp đồng Góp vốn đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội làm chủ đầu tư dự án "Xin đất mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh" đã nhận vốn góp lần 1 của các Công ty:

- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội 2.040.511.000 đồng
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội 1.594.351.000 đồng
- Công ty CP Sách và TBTH Miền Bắc 2.115.500.000 đồng
- Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội 2.105.500.000 đồng

Sau khi dự án hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In sách giáo khoa thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất.

Đến thời điểm 30/06/2011, dự án đã tiến hành xong các thủ tục đền bù cho người dân có đất nông nghiệp nằm trong diện tích của dự án và đang thực hiện giải phóng mặt bằng.

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.159.850.000	20.159.850.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>20.159.850.000</i>	<i>20.159.850.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>20.159.850.000</i>	<i>20.159.850.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.209.591.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	<i>1.209.591.000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.015.985</i>	<i>2.015.985</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

14 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	24.610.739.289	23.088.774.469
	<u>24.610.739.289</u>	<u>23.088.774.469</u>

15 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22.686.442.509	20.252.549.837
	<u>22.686.442.509</u>	<u>20.252.549.837</u>

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	157.392.952	9.622.654
	<u>157.392.952</u>	<u>9.622.654</u>

17 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.692.864	794.415.365
Tổng lợi nhuận tính thuế	40.692.864	794.415.365
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	10.173.216	198.603.841
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>10.173.216</u>	<u>198.603.841</u>

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	30.519.648	595.811.524
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.519.648	595.811.524
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.015.985	2.015.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>15</u>	<u>296</u>

19 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.121.050.454	15.442.560.088
Chi phí nhân công	3.282.176.683	3.178.177.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.603.640.467	1.557.382.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.948.968	746.967.551
Chi phí khác bằng tiền	1.061.250.892	1.383.883.920
	<u>25.046.067.464</u>	<u>22.308.971.479</u>

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực in ấn, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

		Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	51.596.211	53.671.341
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	17.679.774.603	15.383.269.311
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	ĐVTV cùng tập đoàn	1.462.451.588	1.668.670.079
- NXBGD tại TP. Cần Thơ	ĐVTV cùng tập đoàn	214.880.807	-
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	ĐVTV cùng tập đoàn	215.159.983	1.142.080.455
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	879.878.876	1.226.459.709
- Công ty CP Dịch vụ XB Hà nội	ĐVTV cùng tập đoàn	29.210.932	-
- Công ty CP PHS và TBTH Miền Bắc	ĐVTV cùng tập đoàn	309.177.257	-
- Cty CP Sách Dân Tộc	ĐVTV cùng tập đoàn	505.385.390	-
- Cty CP Sách - TBTH Hà Tây	ĐVTV cùng tập đoàn	1.690.871.378	1.153.711.905
Mua hàng			
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	176.227.000	-
- Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	ĐVTV cùng tập đoàn	29.982.850	-
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán :			
		30/06/2011	01/01/2011
		VND	VND
Phải thu tiền hàng			
- Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	132.015.125	37.259.325
- NXBGD tại Tp. Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	6.287.721.267	10.369.439.254
- Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	ĐVTV cùng tập đoàn	667.622.088	138.925.336
- NXBGD tại TP. Cần Thơ	ĐVTV cùng tập đoàn	100.000.889	-
- Công ty CP Sách ĐH - dạy nghề	ĐVTV cùng tập đoàn	336.676.000	100.000.000
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	127.600.904	99.758.668
- Công ty CP Mĩ Thuật và Truyền Thông	ĐVTV cùng tập đoàn	67.576.614	500.557.749
- Công ty CP Dịch vụ XB Hà nội	ĐVTV cùng tập đoàn	186.047.675	153.915.135
- Cty CP Sách Dân Tộc	ĐVTV cùng tập đoàn	764.072.761	1.032.581.911

Người mua trả trước

- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	669.817	669.817
---------------------------------------	--------------------	---------	---------

Phải thu khác

- NXBGD tại Tp. Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	181.671.614	181.671.614
- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	176.202.435	143.081.509

Phải trả khác

- Công ty CP ĐT & PT Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	2.040.511.000	2.040.511.000
- Công ty CP Học liệu Giáo dục Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	1.594.351.000	1.594.351.000
- Công ty CP Sách và TBTH Miền Bắc	ĐVTV cùng tập đoàn	2.115.500.000	2.115.500.000
- Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	ĐVTV cùng tập đoàn	2.105.500.000	2.105.500.000

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) soát xét.

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Lê Hồng Quế
Giám đốc

Lập, ngày 10 tháng 07 năm 2011

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3.530.475.908	36.609.165.302	1.929.999.761	351.610.733	42.421.251.704
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.530.475.908	36.609.165.302	1.929.999.761	351.610.733	42.421.251.704
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	2.224.581.352	27.127.320.237	481.810.080	221.892.802	30.055.604.471
Số tăng trong kỳ	93.334.504	1.410.146.682	78.285.907	21.873.374	1.603.640.467
- Trích khấu hao	93.334.504	1.410.146.682	78.285.907	21.873.374	1.603.640.467
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.317.915.856	28.537.466.919	560.095.987	243.766.176	31.659.244.938
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Đầu năm	1.305.894.556	9.481.845.065	1.448.189.681	129.717.931	12.365.647.233
Cuối kỳ	1.212.560.052	8.071.698.383	1.369.903.774	107.844.557	10.762.006.766

Trong đó

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.594.696.987 đồng

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	-	1.497.912.513	943.655.580	1.383.309.930	23.984.728.023
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	1.252.039.266	1.252.039.266
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(1.209.591.000)	(1.209.591.000)
Tăng khác	-	28.368.962	-	-	-	28.368.962
Số dư đầu năm	20.159.850.000	28.368.962	1.497.912.513	943.655.580	1.425.758.196	24.055.545.251
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	30.519.648	30.519.648
Phân phối quỹ	-	-	-	15.499.222	(15.499.222)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(30.998.443)	(30.998.443)
Giảm khác	-	(28.368.962)	-	-	-	(28.368.962)
Số dư cuối kỳ	20.159.850.000	-	1.497.912.513	959.154.802	1.409.780.179	24.026.697.494

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.281.600.000	51,00%	10.281.600.000	51,00%
Vốn góp của đối tượng khác	9.878.250.000	49,00%	9.878.250.000	49,00%
	20.159.850.000	100,00%	20.159.850.000	100,00%